

LÊ THÔNG (Chủ biên) - NGUYỄN ĐỨC VŨ
LÊ MỸ PHONG - NGUYỄN QUÝ THAO

BỘ ĐỀ

môn **ĐỊA LÍ**

**CHUẨN BỊ CHO KÌ THI
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

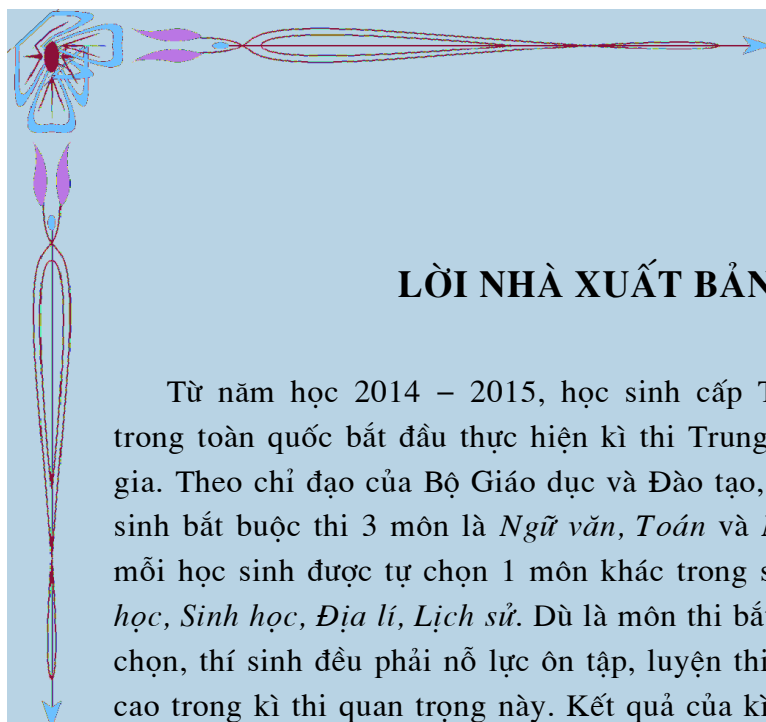
LÊ THÔNG (Chủ biên) - NGUYỄN ĐỨC VŨ
LÊ MỸ PHONG - NGUYỄN QUÝ THAO

BỘ ĐỀ

môn ĐỊA LÍ

CHUẨN BỊ CHO KÌ THI
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Từ năm học 2014 – 2015, học sinh cấp Trung học phổ thông trong toàn quốc bắt đầu thực hiện kì thi Trung học phổ thông quốc gia. Theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong kì thi này, học sinh bắt buộc thi 3 môn là *Ngữ văn*, *Toán* và *Ngoại ngữ*, đồng thời mỗi học sinh được tự chọn 1 môn khác trong số 5 môn *Vật lí*, *Hoá học*, *Sinh học*, *Địa lí*, *Lịch sử*. Dù là môn thi bắt buộc hay môn thi tự chọn, thí sinh đều phải nỗ lực ôn tập, luyện thi tốt để giành kết quả cao trong kì thi quan trọng này. Kết quả của kì thi không chỉ là căn cứ giúp các em được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông mà còn giành những ưu trội làm cơ sở để xét tuyển vào trường Đại học và Cao đẳng mà các em có nguyện vọng lựa chọn.

Để giúp các em học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt là học sinh lớp 12, ôn tập và thi đạt kết quả tốt trong kì thi Trung học phổ thông quốc gia, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn, xuất bản bộ sách *Ôn tập chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia* và bộ sách *Bộ đề chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia* ở 8 môn học : *Ngữ văn*, *Toán*, *Vật lí*, *Hoá học*, *Sinh học*, *Lịch sử*, *Địa lí*, *Tiếng Anh*. Hai bộ sách ôn luyện cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia đều chú ý tới những yêu cầu và lưu ý chung nhằm giúp cho học sinh ôn luyện đạt kết quả cao. Đặc biệt, cả hai bộ sách đều tập trung biên soạn, lựa chọn những câu hỏi, bài tập điển hình, tiêu biểu theo hướng đổi mới kiểm tra đánh giá, đáp ứng yêu cầu thi Trung học phổ thông quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo. Theo đó, các câu hỏi và bài tập được phân hoá theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao. Đồng thời, các câu hỏi, bài tập cũng chú ý tới các dạng mở, có tính sáng tạo, đánh giá đúng năng lực và phẩm chất của học sinh.

Với ý nghĩa và tinh thần trên, các nhóm tác giả của các bộ sách ở từng môn học đã cố gắng biên soạn, lựa chọn các câu hỏi và bài tập thích hợp nhằm giúp các em học sinh ôn luyện và thi đạt hiệu quả tốt nhất. Mặc dù vậy, sách lần đầu được biên soạn, khó tránh được những sơ suất nhất định. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam rất mong các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh và các quý phụ huynh có những góp ý để lần tái bản tới đây, sách được tốt hơn. Thư góp ý xin gửi về theo địa chỉ : Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội, số 187B Giảng Võ, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Kì thi Trung học phổ thông (THPT) quốc gia được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2015 trên phạm vi cả nước. Ngoài ba môn bắt buộc (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ), Địa lí là một trong các môn tự chọn để tính điểm cho riêng tốt nghiệp hoặc cả tốt nghiệp lẫn tuyển sinh Đại học, Cao đẳng.

Với mục đích giúp cho học sinh ôn tập và thi đạt kết quả cao nhất, tập thể tác giả đã biên soạn cuốn **Bộ đề môn Địa lí chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia**, bao gồm 50 đề với hướng dẫn trả lời.

Cuốn sách gồm hai phần :

Phần một : Các đề luyện thi

Phần hai : Hướng dẫn trả lời

Về cấu trúc, mỗi đề gồm có 4 câu. Câu I tập trung vào chủ đề Địa lí tự nhiên và Địa lí dân cư, được chia thành 2 ý (mỗi ý được ứng với 1 chủ đề), nhưng cũng có thể chỉ hỏi 1 chủ đề. Câu II liên quan đến chủ đề Địa lí các ngành kinh tế và chủ đề Địa lí các vùng kinh tế (7 vùng kinh tế và 3 vùng kinh tế trọng điểm). Câu III dành cho chủ đề khai thác Atlas. Câu IV kiểm tra kĩ năng của thí sinh về vẽ biểu đồ và nhận xét - giải thích.

Trước năm 2015, học sinh chỉ được mang Atlas Địa lí Việt Nam vào kì thi tốt nghiệp THPT, nhưng từ năm học này, trong đề thi THPT quốc gia môn Địa lí, học sinh vẫn được sử dụng Atlas. Còn về vẽ biểu đồ thì có sự khác nhau giữa các đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng trước năm 2015 với đề thi THPT quốc gia là ở chỗ câu hỏi về biểu đồ trong đề thi THPT quốc gia về đại thể sẽ “dễ” hơn trong đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, vì mục tiêu của hai kì thi không giống nhau. Trong đề thi THPT quốc gia có thể gặp cả biểu đồ dạng cơ bản (như trong các đề thi tốt nghiệp trước đây) lẫn biểu đồ được biến dạng từ dạng cơ bản (như trong các đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng). Thậm chí, thí sinh cũng không còn phải đau đầu chọn dạng biểu đồ thích hợp nữa, bởi vì dạng biểu đồ cần vẽ đã được nêu cụ thể trong đề thi.

Để vẽ được biểu đồ không thể không đề cập đến số liệu thống kê. Nguồn số liệu các tác giả đưa vào câu IV trong mỗi đề được lấy từ *Niên giám thống kê Việt Nam* các năm do Nhà xuất bản Thống kê ấn hành. Có một thực tế là trong một vài trường hợp, cùng một đối tượng (ví dụ như diện tích lúa cả năm của nước ta) ở cùng một thời điểm (ví dụ, năm 2005) nhưng số liệu lại không giống nhau giữa hai Niên giám thống kê xuất bản ở hai năm khác nhau. Tuy nhiên, tập thể tác giả quan niệm rằng số liệu thống kê chỉ là phương tiện để kiểm tra kỹ năng vẽ biểu đồ của thí sinh mà thôi. Mặc dù đã được kiểm tra cẩn thận, nhưng có thể đâu đó vẫn còn có sự chênh lệch chút ít về số liệu. Điều này không cần phải quan tâm bởi vì sự chênh lệch ấy không làm thay đổi bản chất của hiện tượng, kể cả khi nhận xét và giải thích.

Hi vọng rằng cuốn sách sẽ là tài liệu thiết thực, bổ ích cho học sinh trong quá trình học, ôn tập và luyện thi môn Địa lí ở kì thi THPT quốc gia cũng như cho cả giáo viên trong việc giảng dạy Địa lí lớp 12 ở trường phổ thông. Chúc các em học sinh lấy môn Địa lí là môn tự chọn để tính điểm cho tốt nghiệp hay cho cả tốt nghiệp lẫn tuyển sinh Đại học, Cao đẳng đạt được điểm tối đa.

Tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của cuốn sách.

Chủ biên

GS.TS. LÊ THÔNG

Phần một : CÁC ĐỀ LUYỆN THI

ĐỀ 1

Câu I (2,0 điểm)

1. Trình bày hoạt động và hậu quả của bão ở nước ta. Cho biết nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX ở miền Trung.
2. Dân số Việt Nam có những đặc điểm gì ? Tại sao dân số đông cũng là một thế mạnh để phát triển kinh tế của nước ta ?

Câu II (3,0 điểm)

1. Trình bày những thành tựu của ngành trồng lúa ở nước ta. Giải thích nguyên nhân dẫn tới những thành tựu đó.
2. Phân tích việc khai thác thế mạnh kinh tế biển của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy :

- Kể tên các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Nêu sự khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ
PHÂN THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2012**

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm \ Ngành công nghiệp	Khai khoáng	Chế biến, chế tạo	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước
2005	110 919	818 502	59 119
2007	141 606	1 245 850	79 024
2010	250 466	2 563 031	15 003
2012	384 851	3 922 589	199 316

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta trong giai đoạn trên.

ĐỀ 2

Câu I (2,0 điểm)

1. Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta biểu hiện ở những khía cạnh nào ? Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay.

2. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta. Tại sao đẩy mạnh xuất khẩu lao động là một trong những phương hướng để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta trong giai đoạn hiện nay ?

Câu II (3,0 điểm)

1. Phân tích các điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây công nghiệp ở nước ta. Nêu khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay và giải thích tại sao.

2. Phân tích các lợi thế để phát triển giao thông vận tải biển và du lịch biển của Việt Nam.

Câu III (2,0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét về sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2007.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2012**

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	2010	2012
Khu vực kinh tế		
Nhà nước	237 557,1	268 282,1
Ngoài Nhà nước	1 395 622,3	2 031 962,4
Có vốn đầu tư nước ngoài	44 165,3	68 886,1
Tổng số	1 677 344,7	2 369 130,6

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế của nước ta trong 2 năm trên.

2. Nhận xét sự thay đổi đó.

ĐỀ 3

Câu I (2,0 điểm)

1. Trình bày cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.
2. Hãy nêu sự chưa hợp lí về phân bố dân cư của nước ta và hậu quả của nó.

Câu II (3,0 điểm)

1. Phân tích các điều kiện để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta.
2. Chứng minh rằng về mặt tự nhiên, Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thế mạnh để phát triển công nghiệp. Kể tên 4 trung tâm công nghiệp của vùng này.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nêu sự phân bố (tên mỏ và tên tỉnh tương ứng) của các loại khoáng sản : than đá, sắt, bôxít, thiếc.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA**

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2005	914 001	176 402	348 519	389 080
2010	2 157 828	407 647	824 904	925 277

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện quy mô và cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và năm 2010.
2. Nhận xét quy mô và cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và năm 2010 từ biểu đồ đã vẽ.

ĐỀ 4

Câu I (2,0 điểm)

1. Chứng minh rằng vùng biển Việt Nam giàu tài nguyên hải sản.
2. Trình bày đặc điểm nguồn lao động của nước ta.

Câu II (3,0 điểm)

1. Trình bày các khu vực tập trung công nghiệp của nước ta và nêu nguyên nhân của sự tập trung đó.
2. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các vườn quốc gia ở hai miền tự nhiên: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2012

Năm	2005	2007	2010	2012
Diện tích (nghìn ha)	7 329,2	7 207,4	7 489,4	7 761,2
Trong đó : Diện tích lúa mùa (nghìn ha)	2 037,8	2 015,5	1 967,5	1 977,8
Sản lượng (nghìn tấn)	35 832,9	35 942,7	40 005,6	43 737,8

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ kết hợp (đường và cột) thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2005 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích tình hình sản xuất lúa của nước ta trong giai đoạn trên.

ĐỀ 5

Câu I (2,0 điểm)

1. Cho biết hậu quả và nêu các biện pháp phòng chống bão ở Việt Nam.
2. Trình bày phương hướng giải quyết việc làm cho người lao động ở nước ta.

Câu II (3,0 điểm)

1. Tại sao công nghiệp năng lượng lại là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta ?
2. Phân tích thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu III (2,0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nêu các loại đất ở nước ta.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ
PHÂN THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2012**

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ nông nghiệp
2000	129 087,9	101 043,7	24 907,6	3 136,6
2005	183 213,6	134 754,5	45 096,8	3 362,3
2010	540 162,8	396 733,7	135 137,1	8 292,0
2012	746 479,9	533 189,1	2 000 849,8	12 441,0

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá thực tế phân theo ngành của nước ta giai đoạn 2000 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn nói trên.

ĐỀ 6

Câu I (2,0 điểm)

1. Trình bày phạm vi lãnh thổ của Việt Nam. Hình dáng lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào đến đặc điểm sông ngòi ở nước ta ?
2. Chứng minh rằng quá trình đô thị hoá ở nước ta diễn ra chậm, trình độ đô thị hoá thấp.

Câu II (3,0 điểm)

1. Phân tích các thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp điện lực của nước ta. Vì sao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước ?
2. Phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội và môi trường của vùng ?

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy xác định các phụ lưu lớn nhất, các chi lưu và các cửa sông đổ ra biển của hệ thống sông Thái Bình.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ ĐƯỢC VẬN CHUYỂN THÔNG QUA CÁC CẢNG BIỂN CỦA NƯỚC TA DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2000 – 2012

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2012
Tổng số	21 902,5	38 328,0	60 924,8	67 045,8
Hàng xuất khẩu	5 460,9	9 916,0	17 476,5	22 474,0
Hàng nhập khẩu	9 293,0	14 859,0	21 179,9	20 820,3
Hàng nội địa	7 148,6	13 553,0	22 268,4	23 751,5

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển thông qua các cảng biển của nước ta do Trung ương quản lý giai đoạn 2000 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển thông qua các cảng biển của nước ta do Trung ương quản lý trong giai đoạn trên.

ĐỀ 7

Câu I (2,0 điểm)

Trình bày ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu Việt Nam. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa biểu hiện qua địa hình nước ta như thế nào ?

Câu II (3,0 điểm)

1. Phân tích những chuyển biến tích cực của hoạt động ngoại thương ở nước ta trong những năm qua. Tại sao trong những năm qua nước ta luôn nhập siêu ?

2. Phân tích các thế mạnh về kinh tế – xã hội của Đồng bằng sông Hồng. Tại sao việc làm là một trong những vấn đề nan giải ở vùng này ?

Câu III (2,0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy kể tên và sắp xếp thứ tự diện tích lưu vực giảm dần của 9 hệ thống sông lớn ở nước ta.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG GIA SÚC, GIA CẦM CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2000 – 2012**

(Đơn vị : %)

Năm	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
2000	100,0	100,0	100,0	100,0
2005	100,9	134,2	135,9	112,1
2010	99,3	140,7	135,6	153,2
2012	90,7	125,8	131,2	157,3

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng của đàn gia súc, gia cầm ở nước ta giai đoạn 2000 – 2012.

2. Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó.

ĐỀ 8

Câu I (2,0 điểm)

1. Nêu nguyên nhân, thời gian xảy ra lũ quét ở nước ta và các biện pháp giảm thiệt hại do lũ quét gây ra.
2. Trình bày đặc điểm mạng lưới đô thị của nước ta.

Câu II (3,0 điểm)

1. Hãy nêu sự khác biệt của nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hoá. Tại sao nước ta lại tồn tại song song hai nền sản xuất này ?
2. Trình bày vấn đề khai thác thủy điện và ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nêu các miền khí hậu của nước ta và các vùng khí hậu trong mỗi miền.

Câu IV (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau :

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2010

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng số dân	Sản lượng lương thực	Bình quân lương thực
1990	100,0	100,0	100,0
2000	117,6	173,7	147,7
2005	125,9	199,3	158,3
2010	131,7	224,5	170,5

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng của dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta giai đoạn 1990 – 2010.
2. Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng của dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta trong giai đoạn trên.

ĐỀ 9

Câu I (2,0 điểm)

1. Trình bày sự phân hoá đất theo đai cao ở nước ta. Tại sao ở miền Nam không có đai ôn đới gió mùa trên núi ?
2. Nêu các hướng để giải quyết việc làm ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Câu II (3,0 điểm)

1. Nêu các thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
2. Trong việc hình thành cơ cấu công nghiệp, Bắc Trung Bộ có những thuận lợi gì ? Tại sao ở vùng này cần phải hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ?

Câu III (2,0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy :

- Kể tên các tỉnh giáp với Trung Quốc, với Lào và với biển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Kể tên 3 cửa khẩu của vùng giáp với Trung Quốc.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

SỐ THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2012

(Đơn vị : điện thoại)

Năm	Số thuê bao điện thoại		Số thuê bao/100 dân
	Tổng số	Trong đó điện thoại di động	
2005	15 845,0	8 718,1	19,1
2007	56 189,7	45 024,0	66,7
2010	124 311,1	111 570,2	143
2012	141 229,8	131 673,7	159,1

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ kết hợp (đường và cột) thể hiện tình hình phát triển mạng điện thoại của nước ta giai đoạn 2005 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển mạng điện thoại ở nước ta.

ĐỀ 10

Câu I (2,0 điểm)

1. Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên ở nước ta.
2. Trình bày tác động của quá trình đô thị hoá tới sự phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam.

Câu II (3,0 điểm)

1. Trình bày sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm chính ở nước ta.
2. Trình bày phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các vườn quốc gia ở miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2000 – 2012**

Năm	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
2000	223 823,0	55 629,7
2005	460 146,3	100 728,3
2010	800 886,0	217 767,1
2012	961 128,4	215 735,8

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ cột thể hiện khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển hàng hoá của nước ta qua các năm.
2. Nhận xét, giải thích sự thay đổi khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển hàng hoá của nước ta giai đoạn 2000 – 2012.

ĐỀ 11

Câu I (2,0 điểm)

1. Trình bày ảnh hưởng của Biển Đông đến các hệ sinh thái vùng ven biển nước ta.
2. Kể tên 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam.

Câu II (3,0 điểm)

1. Chứng minh rằng cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta tương đối đa dạng và đang có sự chuyển dịch rõ rệt. Tại sao có sự chuyển dịch như vậy ?
2. So sánh sản phẩm chuyên môn hoá trong sản xuất nông nghiệp giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ. Giải thích nguyên nhân khác nhau về hướng chuyên môn hoá giữa hai vùng.

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét về sự phân bố dân cư của nước ta.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**DIỆN TÍCH MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA
TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2010**

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	2000	2005	2008	2010
Loại cây				
Cây lúa	7 666	7 329	7 422	7 489
Cây công nghiệp hàng năm	778	862	806	798
Cây công nghiệp lâu năm	1 451	1 634	1 886	2 011

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích một số loại cây trồng của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2010.
2. Nhận xét tốc độ tăng trưởng diện tích một số loại cây trồng từ biểu đồ đã vẽ và giải thích.

ĐỀ 12

Câu I (2,0 điểm)

1. Chứng minh rằng sông ngòi nước ta mang đặc điểm của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
2. Trình bày những chuyển biến trong cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay.

Câu II (3,0 điểm)

1. Trình bày xu hướng và tình hình phát triển chăn nuôi của nước ta trong thời gian qua.
2. Trình bày vấn đề khai thác và chế biến lâm sản ở Tây Nguyên. Tại sao Tây Nguyên có thể hình thành các bậc thang thủy điện ?

Câu III (2,0 điểm)

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét về tỉ lệ dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 1960 – 2007.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 – 2012

Năm	1995	2000	2005	2010	2012
Diện tích (nghìn ha)	6 765,6	7 666,3	7 329,2	7 489,4	7 761,2
Sản lượng (nghìn tấn)	24 963,7	32 529,5	35 832,9	40 005,6	43 737,8

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Tính năng suất lúa giai đoạn 1995 – 2012.
2. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2012.
3. Nhận xét và giải thích sự tăng trưởng đó.

ĐỀ 13

Câu I (2,0 điểm)

1. Hãy nêu những biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta. Tại sao đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta ?
2. Trình bày và giải thích xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành và theo thành phần kinh tế của Việt Nam.

Câu II (3,0 điểm)

1. Tại sao vấn đề lương thực, thực phẩm lại là một trong những vấn đề đang được quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta ?
2. Tại sao nói các vùng kinh tế trọng điểm có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế nước ta ?

Câu III (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2007.

Câu IV (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau :

**SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2005 – 2012**

Năm	2005	2007	2010	2012
Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	3 466,8	4 199,1	5 142,7	5 820,7
– Khai thác	1 987,9	2 074,5	2 414,4	2 705,4
– Nuôi trồng	1 478,9	2 124,6	2 728,3	3 115,3
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	63 678,0	89 694,3	153 169,9	224 263,9

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản Thống kê, 2013)

1. Vẽ biểu đồ kết hợp (đường và cột) thể hiện tình hình sản xuất thủy sản của nước ta giai đoạn 2005 – 2012.
2. Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó.